

Bài 27  **CHUYỆN QUẢ BẦU (4 tiết)****I MỤC TIÊU**

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ ngữ, đọc rõ ràng VB *Chuyện quả bầu*. Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện. Hiểu được ý nghĩa câu chuyện: giải thích về nguồn gốc các dân tộc Việt Nam.
2. Ôn tập chữ viết hoa A, M, N (kiểu 2) cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Muôn người như một*.
3. Ôn tập lại câu nêu đặc điểm.
4. Kể lại được từng đoạn của câu chuyện *Chuyện quả bầu* dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện trong bài đọc).
5. Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (trí tưởng tượng về các sự vật, sự việc trong tự nhiên); có thái độ tôn trọng những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ**1. Kiến thức**

- GV hiểu đặc điểm VB thuộc thể loại truyện cổ tích (có yếu tố kì ảo; phản ánh tư duy văn hoá của cộng đồng thời xa xưa).
- PP dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

2. Phương tiện dạy học

- Mẫu chữ viết hoa A, M, N (kiểu 2) cỡ vừa và cỡ nhỏ, vở *Tập viết 2 tập hai*.
- Thẻ từ để HS làm BT.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

- HS nhắc lại tên bài học trước (*Trên các miền đất nước*) và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.
- GV có thể thực hiện hoạt động ôn bài cũ bằng cách tổ chức trò chơi.

ĐỌC

1. Khởi động

- GV hướng dẫn HS thảo luận:
- + GV chiếu tranh lên bảng, yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS và trả lời câu hỏi: *Tranh vẽ cảnh gì?*
- + HS dựa vào tranh minh họa để đoán xem câu chuyện kể về điều gì.
- HS làm việc theo cặp/ nhóm:
- + Cùng nhau chỉ vào tranh trong SHS, nói về những sự vật thấy trong tranh. (Nhiều người trong những trang phục dân tộc/ dân tộc thiểu số.; Có người như vừa bước ra từ một vật/ quả gì đó.)
- + HS suy đoán nội dung truyện từ tranh minh họa: Em đoán câu chuyện này kể về một điều kì lạ./ Em đoán câu chuyện này kể về một loại quả thần kì./...
- Làm việc cả lớp:
- + 2 – 3 HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi. GV nhận xét và chốt lại nội dung thảo luận.
- GV dẫn vào bài mới.

2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
- + GV đọc mẫu toàn bài *Chuyện quả bầu*, rõ ràng, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn. Lời người kể chuyện đọc bằng giọng nhẹ nhàng, tình cảm. Nhấn giọng ở những chi tiết liên quan đến yếu tố kì ảo. HS đọc thầm theo.
- + GV yêu cầu HS đọc lời giải thích từ ngữ khó trong bài (*con dúi, nương, tổ tiên*). GV nên kết hợp nhiều hình thức giải nghĩa (HS quan sát tranh *con dúi, nương rẫy*; giải thích nghĩa của từ *tổ tiên*), hoặc đưa thêm những từ ngữ HS chưa hiểu.

- + GV hướng dẫn HS luyện đọc những từ ngữ khó: Khơ Mú, Ê-đê.
- + GV lưu ý HS cách đọc: Đọc đúng, rõ ràng; ngắt nghỉ đúng dấu câu. Giọng đọc biểu cảm, nhấn giọng ở những chi tiết li kì.
- + GV chia VB thành 3 đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *tha cho nó*; đoạn 2: tiếp theo đến *thoát nạn*; đoạn 3: phần còn lại). GV hướng dẫn HS quan sát 3 đoạn văn trong SHS.
- + GV mời 3 HS đọc nối tiếp bài đọc. Sau mỗi đoạn, GV hướng dẫn HS phát hiện câu dài cần luyện đọc. VD: Có câu dài nào cần ngắt nghỉ hơi trong đoạn 2? (*Để trả ơn,/ dúi báo/ sắp có lũ lụt rất lớn/ và chỉ cho họ cách tránh.//*; Nghe lời dúi,/ họ khoét rỗng khúc gỗ to,/ chuẩn bị thức ăn bỏ vào đó.// Vừa chuẩn bị xong mọi thứ/ thì mưa to,/ gió lớn,/ nước ngập mênh mông.//)
- Luyện đọc theo nhóm:
- + GV nhắc lại yêu cầu đọc.
- + Từng HS đọc nối tiếp 3 đoạn trong nhóm. HS góp ý cho nhau.
- + GV giúp đỡ HS trong các nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.
- + GV mời đại diện 2 – 3 nhóm đọc trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.
- Một HS hoặc GV đọc lại toàn bài *Chuyện quả bầu*.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. Con dúi nói với hai vợ chồng điều gì?

- Làm việc cả lớp:
 - + Để kết nối được với câu hỏi, GV nên hỏi ý liên quan đến đoạn 1, VD: Theo em, vì sao hai vợ chồng tha cho con dúi? (Vì họ thấy thương con dúi./ Vì con dúi xin họ tha cho nó.). GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. Sau đó chuyển sang đoạn 2.
 - + GV mời một HS đọc câu hỏi.
 - + GV nhắc HS đọc đoạn 1 để tìm câu trả lời.
 - HS thảo luận theo cặp/ nhóm:
 - + Từng HS dựa vào đoạn 2 để tìm câu trả lời cho câu 1 trong SHS.
 - + Cả nhóm thống nhất câu trả lời phù hợp nhất.
 - Cả lớp:
 - + Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.
 - + Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời.
- Đáp án: Con dúi báo sắp có lũ lụt rất lớn và chỉ cho họ cách tránh.

Câu 2. Nhờ đâu hai vợ chồng thoát khỏi nạn lũ lụt?

– GV nhắc HS đọc đoạn 2 để tìm câu trả lời.

Để giúp HS thuận lợi khi trả lời câu hỏi, GV nên bổ sung câu hỏi phụ, trước khi hỏi câu 2. VD: *Họ vừa chuẩn bị xong mọi thứ thì điều gì xảy ra?* (Mưa to, gió lớn, nước ngập mênh mông. Muôn loài chìm trong biển nước.)

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm:

+ Từng HS dựa vào đoạn 2 để tìm câu trả lời cho câu hỏi *Nhờ đâu hai vợ chồng thoát khỏi nạn lũ lụt?*, HS khác góp ý.

+ Cả nhóm thống nhất câu trả lời phù hợp nhất.

– Cả lớp:

+ Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.

+ Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời.

Đáp án: Họ làm theo lời dúi khuyển.

+ Nếu nhóm nào trả lời nhanh, GV có thể hỏi thêm: *Nghe theo lời dúi khuyển, họ đã làm gì?* (khoét rỗng khúc gỗ to; chuẩn bị thức ăn bỏ vào khúc gỗ; sống trong khúc gỗ.).

Câu 3. Những sự việc kì lạ nào xảy ra sau khi hai vợ chồng thoát khỏi nạn lũ lụt?

Cách tiến hành tương tự câu 1 và câu 2.

Đáp án: Người vợ sinh ra một quả bầu; hai vợ chồng nghe thấy tiếng cười đùa/ tiếng lao xao trong quả bầu; từ trong quả bầu, những con người nhỏ bé bước ra.

Câu 4. Theo em, câu chuyện nói về điều gì?

a. Giải thích về nạn lũ lụt hàng năm

b. Giải thích về nguồn gốc các dân tộc trên đất nước ta

c. Nêu cách phòng chống thiên tai, lũ lụt

GV chiếu BT lên bảng, mời một HS đọc yêu cầu và nội dung BT. Các bước tiếp theo triển khai tương tự như những câu trên.

Đáp án: b. Giải thích về nguồn gốc các dân tộc trên đất nước ta.

4. Luyện đọc lại

– Một HS đọc/ HS lắng nghe GV đọc lại cả VB *Chuyện quả bầu*.

– Cả lớp đọc thầm theo.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. Viết tên 3 dân tộc trong bài đọc.

– Làm việc cả lớp:

+ Một HS đọc yêu cầu BT.

+ GV mời 1 – 2 HS khác đọc 3 câu cuối của đoạn 3 (từ *Lạ thay đến lần lượt ra theo*).

+ GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi: *Có những tên dân tộc nào xuất hiện trong 3 câu bạn vừa đọc?*

+ GV và cả lớp nhận xét, chốt nội dung trả lời. (Khor Mú, Thái, Muồng, Dao, Mông, Ê-đê, Ba-na, Kinh,...)

– HS chọn và viết vào vở/ giấy nháp 3 tên dân tộc trong bài đọc.

+ GV nhắc HS viết hoa tên của các dân tộc.

+ HS đổi bài cho nhau, soát lỗi chính tả.

+ GV nhận xét một số bài viết của HS.

Câu 2. Kết hợp từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu nêu đặc điểm.

– Làm việc cả lớp:

+ GV chiếu khung chữ lên bảng.

+ Một HS đọc yêu cầu (đọc cả từ ngữ trong khung). Cả lớp đọc thầm.

+ GV hướng dẫn HS làm BT: HS đọc kĩ từ ngữ trong mỗi cột. Sau đó thử nối lần lượt từng từ ngữ trong khung ở cột A với các từ ngữ trong khung ở cột B. Cứ thế cho đến khi thấy phù hợp.

– HS trao đổi theo nhóm:

+ Từng em nêu ý kiến của mình, cả nhóm trao đổi, thống nhất câu trả lời.

+ GV dán 2 cặp phiếu lên bảng, phát bút dạ và mời 2 HS đại diện cho một số nhóm lên bảng làm BT. GV và cả lớp nhận xét, chốt lại câu trả lời đúng. (Đáp án: Sấm chớp âm âm. Mặt đất vắng tanh. Cây cỏ héo vàng.)

+ GV khen nhóm trả lời nhanh, đúng và đẹp.

Lưu ý: GV có thể tổ chức trò chơi.

TIẾT 3

VIẾT

1. Viết chữ hoa

a. Nhắc lại quy trình viết chữ viết hoa A, M, N (kiểu 2)

– GV mời một số HS nhắc lại quy trình viết chữ viết hoa A, M, N (kiểu 2).

– GV viết lại mẫu cho HS quan sát, vừa viết vừa nêu lại quy trình viết chữ A, M, N (kiểu 2) đã học.

b. Viết bảng

– HS viết vào bảng con lần lượt các chữ viết hoa A, M, N (kiểu 2).

– GV theo dõi và chỉnh sửa cho HS.

c. HS viết vào vở *Tập viết 2 tập hai* chữ viết hoa A, M, N (kiểu 2).

– GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.

– HS viết chữ viết hoa A, M, N (kiểu 2) vào vở *Tập viết 2 tập hai*.

– HS đổi vở cho nhau để soát lỗi.

– GV kiểm tra bài tập viết của HS và chữa nhanh một số bài. GV nhận xét.

2. Viết ứng dụng

- GV giới thiệu câu ứng dụng *Muôn người như một*.
- + GV yêu cầu HS đọc câu ứng dụng trong SHS.
- + GV giải thích nội dung câu tục ngữ: Câu tục ngữ ý nói tất cả mọi người đều đoàn kết.
- HS quan sát và phân tích câu ứng dụng. GV mời một số HS trả lời câu hỏi:
- + Câu ứng dụng *Muôn người như một* có mấy tiếng?
- + Câu ứng dụng có những chữ nào phải viết hoa? (chữ *M*)
- + Trong câu ứng dụng *Muôn người như một*, các chữ có chiều cao thế nào? (Chữ *M*, *g*, *h* cao 2,5 li; chữ *t* cao 1,5 li; các chữ còn lại cao 1 li.)
- HS viết câu ứng dụng vào vở *Tập viết 2 tập hai*
- + GV nêu yêu cầu: Cỡ chữ nhỏ, chữ viết đúng mẫu, đều nét và nối chữ đúng quy định; mỗi chữ trong câu cách nhau một ô li.
- + HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.
- GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

TIẾT 4 NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, nói về nội dung của từng tranh.

- HS làm việc theo nhóm: Đọc yêu cầu 1, lần lượt từng em nói sự việc được thể hiện trong mỗi tranh.

VD:

- + Tranh 1. Người chồng đỡ người vợ chui ra từ một khúc gỗ to khoét rỗng, xung quanh nước ngập menh mông.
- + Tranh 2. Hai vợ chồng đi rừng bắt được một con dúi.
- + Tranh 3. Những con người nhỏ bé bước ra từ trong quả bầu.
- + Tranh 4. Hai vợ chồng lấy quả bầu xuống, áp tai nghe.
- Cả nhóm góp ý.
- 2 HS nối tiếp nhau nêu sự việc trong 4 tranh.
- GV khen ngợi các em nhớ nội dung câu chuyện.

2. Sắp xếp các tranh theo trình tự của câu chuyện.

- Làm việc cả lớp:
- + GV yêu cầu HS quan sát 4 bức tranh, nhắc HS nhớ lại nội dung câu chuyện và nội dung thảo luận ở BT1 để sắp xếp lại các tranh cho đúng với trình tự của câu chuyện.
- + GV làm mẫu: Trong truyện *Chuyện quả bầu*, sự việc nào xảy ra đầu tiên? Theo em sự việc đó tương ứng với tranh số mấy? Vì sao em chọn tranh đó? Ai trả lời được?

+ GV mời 1 – 2 HS trả lời. GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án. (Sự việc hai vợ chồng đi rừng bắt được con dúi xảy ra trước nhất. Em chọn tranh số 2. Vì trong tranh, em thấy hình ảnh hai vợ chồng bắt được con dúi).

– Làm việc cá nhân và làm việc nhóm:

+ Từng cá nhân quan sát 3 tranh còn lại để sắp xếp lại thứ tự.

+ Trao đổi nhóm về kết quả sắp xếp tranh. Cả nhóm thảo luận, thống nhất câu trả lời.

– Làm việc cả lớp:

+ GV mời một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận sau đó GV thống nhất nội dung trả lời. Với những nhóm trả lời đúng và nhanh, GV nên hỏi thêm: *Vì sao em chọn tranh đó?*

Đáp án: thứ tự các tranh sắp xếp đúng là 2 – 1 – 4 – 3.

3. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ Bước 1: Sau khi đã sắp xếp lại đúng thứ tự các tranh, HS làm việc cá nhân, nhìn tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh để tập kể từng đoạn câu chuyện (không phải kể đúng từng câu từng chữ trong bài đọc).

+ Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (kể nối tiếp các đoạn hoặc từng HS kể toàn bộ câu chuyện rồi góp ý cho nhau).

– GV gọi một số HS kể chuyện trước lớp.

+ GV mời 3 HS kể nối tiếp 3 đoạn của câu chuyện trước lớp.

+ Một HS xung phong kể toàn bộ câu chuyện.

– Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi các em có nhiều cố gắng

Lưu ý: Với HS chưa thể kể được toàn bộ câu chuyện, GV chỉ yêu cầu kể 1 – 2 đoạn em thích hoặc em nhớ nhất.

VẬN DỤNG

Hỏi người thân về tên của một số dân tộc trên đất nước ta.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động vận dụng:

+ Trước khi trao đổi, hãy đọc lại truyện, kết hợp với quan sát tranh để đảm bảo không nhầm lẫn các sự việc và nhớ được tên một số dân tộc có trong truyện.

+ Hỏi người thân về tên một số dân tộc, ngoài những dân tộc đã nêu trong bài đọc.

+ Nếu muốn, em hãy sưu tầm một số bức ảnh về dân tộc đó (VD: ảnh về trang phục, nhà cửa,...).

CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài học *Chuyện quả bầu* các em đã:

+ Đọc hiểu VB *Chuyện quả bầu*.

+ Ôn lại cách viết chữ viết hoa A, M, N (kiểu 2) cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Muôn người như một*.

+ Kể lại câu chuyện *Chuyện quả bầu*.

- HS nêu ý kiến về bài học (*Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?*). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.

- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.